



BẢN TIN NGHỊ P V THÁNG 3 NĂM 2019

A. VẤN ĐỀ PHÁP QUY M I BAN HÀNH

1) CHÍNH PH

1. Nghị nh s 29/2019/N -CP ngày 20 tháng 03 n m 2019

Quy nh chi ti t thi hành Kho n 3 i u 54 B lu t lao ng v vi c c p phép ho t ng cho thuê l i lao ng, vi c ký qu và danh m c công vi c c th c hi n cho thuê l i lao ng

- Nghị nh này quy nh i u ki n, th m quy n, trình t , th t c c p, gia h n, c p l i, thu h i gi y phép ho t ng cho thuê l i lao ng (sau ây g i là gi y phép); vi c ký qu c a doanh nghi p cho thuê l i lao ng; danh m c công vi c c th c hi n cho thuê l i lao ng theo quy nh t i Kho n 3 i u 54 B lu t lao ng.
- i t ng áp d ng: Doanh nghi p cho thuê l i lao ng; Bên thuê l i lao ng; Ng i lao ng thuê l i; C quan, t ch c, cá nhân khác có liên quan n ho t ng cho thuê l i lao ng.

Ngh nh này có hi u l c thi hành t ngày 05 tháng 5 n m 2019.

B. CÔNG VẤN H NG D N - TR L I

1) B TÀI CHÍNH

2. S 2919/BTC-CST ngày 14 tháng 3 n m 2019

V/v chính sách thu i v i s n xu t trang thi t b y t

- V ki n ngh gi m t i a thu nh p kh u i v i d án s n xu t Trang thi t b y t : i v i s n xu t, l p ráp trang thi t b y t , Nhà n c ã có chính sách u ãi m i n thu nh p kh u i v i nguyên li u, v t t , linh ki n nh p kh u s n xu t, l p ráp trang thi t b y t t ngày 15/11/2014 n nay.
- V ki n ngh “có hàng rào b o v các s n ph m ã s n xu t c trong n c”: i v i các s n ph m trong n c ã s n xu t c không thu c tr ng h p c m i n thu nh p kh u theo quy nh t i i u 16 Lu t thu xu t kh u, thu nh p kh u s 107/2016/QH13, và c quy nh m c thu su t thu nh p kh u u ãi phù h p v i cam k t WTO và m c thu su t u ãi c bi t phù h p v i cam k t t i các i u c qu c t mà n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam là thành viên (không gi m nhanh h n cam k t ho c t ng cao h n m c cam k t).



T NG C C THU

3. S 703/TCT-CS ngày 04 tháng 3 n m 2019

V/v chính sách thu

Tr ng h p doanh nghi p u quy n cho cá nhân là ng i lao ng c a doanh nghi p s đ ng th tín đ ng cá nhân thanh toán tín hàng hoá, d ch v , T ng c c Thu ã có công v n s 5465/TCT-KK ngày 25/11/2016 h ng đ n v i u ki n kh u tr thu GTGT i v i các kho n chi c thanh toán b ng th tín đ ng cá nhân (b n photocopy kèm theo).

4. S 739/TCT-DNNCN ngày 06 tháng 3 n m 2019

V/v chính sách thu TNCN

Tr ng h p bà n i (bà) Nguy n Th Huê là (bà) Bùi Th Dân do bà Huê ang tr c ti p nuôi đ ng n u i u ki n là ng i không n i n ng t a, ngoài tu i lao ng không có thu nh p ho c có thu nh p bình quân tháng trong n m t t c các ngu n thu nh p không v t quá 1.000.000 ng thì c xác nh là ng i ph thu c.

C C THU TP. HÀ N I

5. S 8099/CT-TTHT ngày 04 tháng 3 n m 2019

V/v chính sách thu i v i kho n chi tín th ng, tín h tr , khuy n khích cho ng i bán hàng

- T ng công ty ký h p ng v i các i lý b o hi m, theo ó có phát sinh các kho n chi tín th ng, tín h tr cho ng i bán hàng th c hi n ch ng trình thi ua khuy n khích bán hàng nh m thúc y kinh doanh d ch v ; các kho n chi này chi tr c ti p cho ng i bán hàng ho c chi thông qua các i lý thì T ng công ty c tính vào chi phí c tr khi xác nh thu nh p ch u thu thu nh p doanh nghi p n u áp ng các i u ki n quy nh t i i u 4 Thông t 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 c a B Tài chính nêu trên.
- i v i hình th c chi tín th ng, h tr ng i bán hàng thông qua các i lý t ch c, theo ó: Các i lý t ch c chi h kho n tín th ng, tín h tr ng i bán hàng b ng tín, sau ó, c n c h s quy t toán ch ng trình, T ng công ty s tr l i cho các i lý kho n tín nh chi h ho c chi h theo ph ng th c bù tr công n gi a hai bên thì khi nh n l i kho n tín nh chi h c a T ng công ty, các i lý t ch c ch l p ch ng t thu, không ph i l p hoá n và không ph i kê khai, tính n p thu GTGT, thu TNDN.

6. S 9235/CT-TTHT ngày 12 tháng 03 n m 2019

V/v chính sách giá hàng hoá xu t i u chuy n

- Công ty c ph n Traphaco kê khai, n p thu GTGT theo ph ng pháp kh u tr xu t i u chuy n hàng hoá cho các chi nhánh h ch toán ph thu c các chi nhánh bán hàng cho khách hàng trên a bàn chi nhánh qu n lý thì công ty c n c vào ph ng th c t ch c kinh doanh và h ch toán k toán l a ch n m t trong hai cách s đ ng hoá n, ch ng t theo h ng đ n t i i m 2.6 Ph l c 4 Thông t s 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 c a B Tài chính nêu trên.



- Công ty mua sắm hàng hoá của GTGT làm công tác thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT hàng nhập và hàng khâu cuối cùng của công ty xác định giá tính thuế giá trị gia tăng theo Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty hạch toán giá trị hàng hoá mua vào, bán ra không theo giá thực tế thanh toán phù hợp với thực trạng thì sẽ bị nhận thu theo Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

7. S 10419/CT-TTHT ngày 20 tháng 3 năm 2019

V/v khai thuế nhập khẩu phòng đi biển

- Lệ phí môn bài: Văn phòng đi biển thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng: Trường hợp Văn phòng đi biển không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì Công ty thực hiện kê khai tập trung tính thuế chính theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.
- Thuế TNCN của người lao động làm việc tại Văn phòng đi biển: Trường hợp Văn phòng đi biển không ký hợp đồng lao động, không trả lương cho người lao động, Công ty ký hợp đồng lao động và chi trả toàn bộ tiền lương, tiền công của nhân viên làm việc tại Văn phòng đi biển thì Văn phòng đi biển không phải kê khai nộp thuế TNCN, Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai nộp thuế TNCN theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.
- Thuế TNDN: Trường hợp Văn phòng đi biển là đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì Văn phòng đi biển không phải nộp thuế khai thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có trách nhiệm khai tập trung tính thuế chính và phân phát sinh tiền trực thuộc.

8. S 11232/CT-TTHT ngày 25 tháng 03 năm 2019

V/v chính sách thuế nhà thầu với hoạt động nhập khẩu phần mềm

Công ty ký hợp đồng với công ty Nhật Bản (không có cơ sở thường trú Việt Nam) mua bản quyền phần mềm Game X có kèm vật trung gian chứa phần mềm (USB) theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam thì thu nhập từ bản quyền phần mềm, chuyển nhượng USB nêu trên của công ty Nhật Bản thuộc diện chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam. Công ty có trách nhiệm khai, khấu trừ, nộp thuế nhà thầu cho công ty Nhật Bản như sau:

- Thuế GTGT: bản quyền phần mềm theo quy định của pháp luật thuộc diện không chịu thuế GTGT. Thuế GTGT nhập khẩu hàng chuyển nhượng usb chứa phần mềm thuộc diện chịu thuế 2%.
- Thuế TNDN: Trường hợp hàng nhập khẩu tách riêng về giá trị bản quyền phần mềm và giá trị chuyển nhượng usb chứa phần mềm thì áp dụng thuế 1 (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế nhập khẩu hàng hoá (usb) là 1%, về giá trị bản quyền phần mềm là 10%.

9. S 11335/CT-TTHT ngày 25 tháng 03 năm 2019

V/v khâu thuế GTGT đầu vào và hạch toán chi phí trường hợp nhập bán hàng thay đổi tên

Công ty CP Nhà Hà Nội có giao dịch mua hàng hoá nhập khẩu thanh toán cho bên bán hàng là Công ty TNHH thành viên thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, bên bán đã xuất hoá đơn GTGT theo quy định, nay bên bán hàng thay đổi tên, mở đầu thành Công ty TNHH thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy thay đổi thông tin nêu trên về chủ thể liên quan kinh doanh theo quy định của pháp luật và bên bán đã có thông báo về sự thay đổi này cho Công ty thì:



- **V thu GTGT:** Công ty CP Nh a Hà N i c kê khai, kh u tr thu GTGT u vào c a hoá n n u áp ng i u ki n quy nh t i i u 15 Thông t s 219/2013/TT-BTC (ã c s a i, b sung theo Thông t s 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông t s 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, Thông t s 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 c a B Tài chính, Thông t s 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 c a B Tài chính).
- **V thu TNDN:** Côn s ty CP Nh a Hà N i c tính vào chi phí c tr khi xác nh thu nh p ch u thu n u áp ng các i u ki n quy nh t i i u 4 Thông t s 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 c a B Tài chính.

Công ty có trách nhi m th c hi n l u các thông báo c a bên bán v s thay i thông tin ng ký kinh doanh c a bên bán t i n v và xu t trình khi c quan thu ho c c quan có th m quy n yêu c u ch ng minh cho vi c kê khai kh u tr và h ch toán chi phí c a mình.

XXXXXXXXXXXX

2019 年 03 月稅務新知

A. 新法律文件

） 政府

1. 2019 年 03 月 20 日第 29/2019/N -CP 號法令

細節規定勞動法第 54 條第 3 款關於批准勞工轉租活動，保證金和工作清單

- 本法令規定了勞工轉租活動的條件，權限，程序，簽發手續，延長和收回許可證；勞務轉租保證金；依據勞動法第 54 條第 3 款規定於勞務轉租的工作清單。
- 適用對象：勞務出租方；勞務承租方；勞務轉租者；參與勞務轉租活動的其他機構，組織和個人。

該法令於 2019 年 05 月 05 日起生效。

B. 指導-回復文書

） 財政部

2. 2019 年 03 月 14 日第 2919/BTC-CST 號

製造醫療設備的稅收政策

- 關於盡量減少生產醫療設備進口稅的建議：對於醫療設備的製造和組裝，國家自 2014 年 11 月 15 日起已對進口製造和組裝醫療設備的原材料，物資和零部件實行進口免稅優惠政策。
- 關於“圍欄保護在國內生產的產品”的建議：對於能在國內生產的產品，不屬於進口免稅對象根據第 107/2016/QH13 號進出口稅法第 16 條，並有權享受符合 WTO 承諾的優惠進口稅率和符合越南社會主義共和國所屬的國際條約承諾的特殊稅率（沒有更快地減少或增加高於承諾水平）。

） 稅務總局

3. 2019 年 03 月 04 日第 703/TCT-CS 號

稅收政策

如果企業授權作為企業僱員的個人使用個人信用卡支付商品和服務款項，稅務總局已於 2016 年 11 月 25 日發布第 5465/TCT-KK 號公文關於使用個人信用卡付款的增值稅扣除條件的說明（附帶複印件）。

4. 2019 年 03 月 06 日第 739/TCT-DNNCN 號

個人所得稅政策

如果 Bui Thi Dan 女士是 Nguyen Thi Hue 女士的祖母，由 Nguyen Thi Hue 女士直接扶養，滿條件是一個衣食無著得人，在沒有收入或平均每月所有收入來源不超過 1,000,000 VND 的工作年齡之外將被確定為扶養對象。

河內稅務局

5. 2019年03月04日第8099/CT-TTHT號

為銷售員獎金，支持錢，鼓勵款的稅收政策

- 公司與保險代理簽訂合同，為賣方提供獎金和支持錢，以實施鼓勵銷售節目，來促進服務業務；這些費用直接支付給賣方或通過代理商支付，如果符合財政部2015年06月22日第96/2015/TT-BTC通知第4條規定的條件，則在確定企業所得稅的應稅所得時，可以列入可扣除費用。
- 對於獎金支付的形式，通過組織代理商支持賣方：代理商組織先支付獎金，用錢支持賣家的錢，然後，根據該計劃結算檔案，總公司通過扣除雙方之間債務的方法還款給代理商，代理商在受到總公司還款後，僅編制收據，無需開具發票，也無需申報和繳納增值稅和企業所得稅。

6. 2019年03月12日第9235/CT-TTHT號

內部貨運轉移價格政策

- Traphaco 股份公司根據扣除方法申報並支付增值稅，將貨物轉移到其他分支機構，以便分支機構可以將貨物出售給所在地的客戶，則公司將根據商業組織和會計方法以選擇使用發票和憑證的兩種方式之一，符合於財政部2014年03月31日第39/2014/TT-BTC號通知附錄4第2.6點的指導。
- 如果公司希望使用增值稅發票作為每個單位和每個獨立階段的增值稅支付和申報的基礎，公司應根據財政部2013年12月31日的219/2013/TT-BTC通知第7條確定增值稅應稅價值。如果公司未按照適合市場的實際支付價格核算購買和銷售商品的價值，將被估稅依據財政部2013年11月06日第156/2013/TT-BTC號第25條第2款的規定。

7. 2019年03月20日第10419/CT-TTHT號

代表處的納稅申報

- 牌照稅：代表處遵循財政部2016年11月15日第302/2016/TT-BTC號通知第2條的指導。
- 增值稅：如果代表處不直接銷售商品並產生收益，公司應根據財政部2013年11月06日第156/2013/TT-BTC號通知第11條第1款的指導進行在總公司集中申報。
- 在代表處工作的員工的個人所得稅：如果代表處未簽訂勞動合同，不向員工支付工資，公司簽訂勞動合同並支付在代表處工作的員工的所有工資，代表處無需申報和支付PIT，公司負責按照財政部2013年11月06日第156/2013/TT-BTC號通知第16條第1、第2款的規定扣繳和申報PIT。
- 企業所得稅：如果代表處是一個直屬單位但核算附屬，代表處無需提交企業所得稅申報檔案。公司負責集中申報在總公司，包括在直屬單位產生的部分。

8. 2019年03月25日第11232/CT-TTHT號**與軟件進口活動的承包商稅收政策**

公司與一家日本公司（在越南沒有常設機構）簽訂合同，根據在越南法律購買含有軟件（USB）的中介的 Game X 軟件版權。日本公司上面提到的軟件版權，USB 轉讓的收入在越南需繳納承包商稅。公司負責為日本公司申報，扣除和代替支付承包商稅，具體如下：

- 增值稅：上述軟件版權依法規定是屬於不應稅對象。轉讓含軟件 USB 的增值稅需繳納 2% 的稅金。
- 企業所得稅：如果合同能分開軟件版權價值和包含軟件的 USB 轉讓價值，則適用：關於商品供應（usb）的應稅收入的 CIT 為 1%，軟件版權價值為 10%。

9. 2019年03月25日第11335/CT-TTHT號**銷售單位名稱變更時的進項增值稅扣除和成本核算**

河內塑料股份公司有購買商品交易，但沒有付款給 Min - Han Vietnam Trading and Service One Member Co., Ltd，賣方已按規定開具增值稅發票，現在賣方將名稱和印章變更為 Vietnam Min - Han Trading And Services Company Limited，以上信息變更由商業登記機關依法辦理，賣方有向公司通知變更信息：

- 關於增值稅：如果發票滿足第 219/2013/TT-BTC 號通知第 15 條規定的條件，河內塑料股份公司有權申報和扣除發票的進項增值稅（本通知已經修訂，補充根據財政部 2014 年 08 月 25 日第 119/2014/TT-BTC 號通知，2014 年 10 月 10 日第 151/2014/TT-BTC 號通知，2015 年 02 月 27 日第 26/2015/TT-BTC 號通知及 2016 年 10 月 28 日第 173/2016/TT-BTC 號通知）。
- 關於企業所得稅：如果滿足財政部 2015 年 06 月 22 日第 96/2015/TT-BTC 號通知第 14 條規定的條件，河內塑料股份公司在確定應納稅所得額時有權申報入可扣除的費用。

公司負責存儲賣方的更改商業登記信息的通知，並在稅務機關或主管當局要求時提交以證明公司的申報扣除與核算費用事宜。

